

Số: 877 /QĐ-CT

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 06 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình số 167/TTr-STNMT ngày 19/6/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 06 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; 11 danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; 08 danh mục thủ tục hành chính thay thế (06 thủ tục cấp tỉnh, 02 thủ tục cấp huyện); 01 danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm

vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ phận một cửa UBND cấp huyện (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Các danh mục thủ tục hành chính đã được công bố tại các Quyết định số 1508/QĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2023; Quyết định số 1162/QĐ-CT ngày 30 tháng 5 năm 2023; Quyết định số 2295/QĐ-CT ngày 20 tháng 10 năm 2023; Quyết định số 711/QĐ-CT ngày 31 tháng 3 năm 2023; Quyết định 1751/QĐ-CT ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết định 2961/QĐ-CT ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định số 532/QĐ-CT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực thi hành kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này, trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận :**

- Cục KSTTHC- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin - GTĐT tỉnh;
- VNPT Vĩnh Phúc;
- Lưu: VT, KSTT2,5.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Việt Văn**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THAY THẾ**  
**VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số 877 /QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh:**

**1. Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	23 ngày làm việc <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn mười bảy (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh phê duyệt.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Chưa quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1, phần I, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>

## 2. Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

<b>Thời hạn giải quyết</b>	08 ngày làm việc <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Chưa quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2, phần I, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>

## 3. Đăng ký sử dụng nước mặt, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch

<b>Thời hạn giải quyết</b>	14 ngày <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn mười (11) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận việc đăng ký và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã gửi thông báo và phát tờ khai đăng ký sử dụng nước mặt, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch cho tổ chức, cá nhân để đăng ký. Trường hợp chưa có công trình, tổ chức, cá nhân phải thực hiện

	việc đăng ký khai thác trước khi đào, xây dựng công trình. Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Tài nguyên và Môi trường.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Chưa quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 3, phần I, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>

#### 4. Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất

<b>Thời hạn giải quyết</b>	30 ngày Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Chưa quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 4, phần I, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>

### 5. Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

<b>Thời hạn giải quyết</b>	30 ngày
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Chưa quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 5, phần I, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>

### 6. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền.

<b>Thời hạn giải quyết</b>	26 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Chưa quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên

	nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 6, phần I, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG:

### 1. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>45 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.</li> </ul>
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng/1 đề án</li> <li>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200 đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000/1 đề án, báo cáo</li> <li>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.600.000/1 đề án, báo cáo</li> <li>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.000.000/1 đề án, báo cáo</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.</li> </ul>
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

## 2. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm

<b>Thời hạn giải quyết</b>	38 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	- Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m <sup>3</sup> /ngày đêm: 200.000 đồng/1 đề án - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200 đến dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm: 550.000/1 đề án, báo cáo - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.300.000/1 đề án, báo cáo - Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 đến dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.500.000/1 đề án, báo cáo
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

## 3. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm

<b>Thời hạn giải quyết</b>	45 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.
----------------------------	--



	- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng/1 đề án, báo cáo</li> <li>- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000/1 đề án, báo cáo</li> <li>- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.600.000/1 đề án, báo cáo</li> <li>- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.000.000/1 đề án, báo cáo</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.</li> </ul>
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 3, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

#### **4. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>38 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường</li> </ul>
----------------------------	---

	trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 200.000 đồng/1 đề án, báo cáo</li> <li>- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 550.000/1 đề án, báo cáo</li> <li>- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.300.000/1 đề án, báo cáo</li> <li>- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.500.000/1 đề án, báo cáo</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.</li> </ul>
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 4, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

## 5. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>25 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 21 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ, cấp</li> </ul>
----------------------------	---

	giấy phép.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	1.400.000 đồng/hồ sơ
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.</li> </ul>
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 5, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

## 6. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>17 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho tổ chức, cá nhân.</li> </ul>
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	700.000 đồng/hồ sơ

<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.</li> </ul>
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 6, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

### 7. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>8 ngày làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp lại giấy phép.</li> </ul>
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	420.000 đồng/hồ sơ
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.</li> </ul>

<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 7, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>
----------------	---

### 8. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành

<b>Thời hạn giải quyết</b>	26 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 8, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

### 9. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành

<b>Thời hạn giải quyết</b>	Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, trong đó: - 45 ngày (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước); - 38 ngày (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, đi u chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)
----------------------------	--

<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 9, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

## 10. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

<b>Thời hạn giải quyết</b>	21 ngày
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 10, mục II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

## 11. Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển

<b>Thời hạn giải quyết</b>	14 ngày -Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã gửi thông báo và phát tờ khai đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch cho tổ chức, cá nhân để đăng ký. Trường hợp chưa có công trình, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi đào, xây dựng công trình. Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Tài nguyên và Môi trường.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 11, phần II, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>

### III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

#### A. Thủ tục cấp tỉnh

**1. Thủ tục: Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐCP ngày 16 tháng 5 năm 2024) (thay thế thủ tục: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>45 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định đ án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.</li> </ul>
<b>Địa điểm thực hiện</b>	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	<p>Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p>
<b>Phí, Lệ phí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất NN với lưu lượng nước dưới 0,1m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 600.000 đồng/1 đề án/ báo cáo.</li> <li>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất NN với lưu lượng nước từ 0,1 đến dưới 0,5m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước dưới 500 đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.800.000 đồng/1 đề án/ báo cáo.</li> <li>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất NN với lưu lượng nước từ 0,5m<sup>3</sup> /giây đến dưới 1m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 3.000 dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.400.000 đồng/1 đề án/ báo cáo.</li> <li>- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất NN với lưu lượng nước từ 1m<sup>3</sup> /giây đến dưới 2m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 20.000 dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 8.400.000 đồng/1 đề án/ báo cáo.</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.</li> </ul>
<b>Ghi chú</b>	<p><i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1, mục III, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i></p>



**2. Thủ tục: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển** (thay thế thủ tục: Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)

<b>Thời hạn giải quyết</b>	38 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất NN với lưu lượng nước dưới 0,1m <sup>3</sup> /giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm: 300.000 đồng/1 đề án/ báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất NN với lưu lượng nước từ 0,1 đến dưới 0,5m <sup>3</sup> /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước dưới 500 đến dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: 900.000 đồng/1 đề án/ báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất NN với lưu lượng nước từ 0,5m <sup>3</sup> /giây đến dưới 1m <sup>3</sup> /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 3.000 dưới 20.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.200.000 đồng/1 đề án/ báo cáo. - Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất NN với lưu lượng nước từ 1m <sup>3</sup> /giây đến dưới 2m <sup>3</sup> /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 20.000 dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: 4.200.000 đồng/1 đề án/ báo cáo.
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.</li> </ul>
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2, mục III, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

**3. Thủ tục: Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (thay thế thủ tục: Trả lại giấy phép tài nguyên nước)**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>23 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</li> </ul>
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> </ul>
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 3, mục III, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

**4. Thủ tục: Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (thay thế thủ tục: Cấp lại giấy phép tài nguyên nước)**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	17 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	- Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m <sup>3</sup> /ngày đêm: 120.000 đồng/1 đề án, báo cáo - Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 đến dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm: 330.000 đồng/1 đề án, báo cáo - Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: 780.000 đồng/1 đề án, báo cáo - Báo cáo khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 đến dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.500.000 đồng/1 đề án, báo cáo
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 4, mục III, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

	trường
--	--------

**5. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện ( thay thế thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi)**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	49 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 46 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa.
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 5, mục III, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

**6. Thủ tục: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (thay thế thủ tục: Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m<sup>3</sup> /giây trở lên)**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	56 ngày
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 6, mục III, Mục B, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

## **B. Thủ tục cấp huyện**

### **1. Thủ tục: Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (thay thế thủ tục: Đăng ký khai thác nước dưới đất)**

<b>Thời hạn giải quyết</b>	14 ngày;
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Tổ chức, cá nhân nộp 02 tờ khai và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1, phần I, Mục C, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>

**2. Thủ tục: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)** (thay thế thủ tục: Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m<sup>3</sup> /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m<sup>3</sup> /ngày đêm trở lên)

<b>Thời hạn giải quyết</b>	42 ngày
<b>Địa điểm thực hiện</b>	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện
<b>Cách thức thực hiện</b>	Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Bộ phận một cửa UBND cấp huyện
<b>Phí, Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
<b>Ghi chú</b>	<i>Thành phần hồ sơ và các nội dung khác của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2, mục I, Mục C, phần II phụ lục của Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>

#### IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

##### 1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Mã hồ sơ thủ tục hành chính	Tên danh mục thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.011517.000.00.00.H62	Đăng ký khai thác nước dưới đất	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường